

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2017
V/v: “Tranh chấp ly hôn
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lý Văn Sáu**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Trần Thị Tím**

2. Bà **Nguyễn Thị Anh Đào**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:* Ông **Trầm Văn Mừng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017, về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị S**, sinh năm 1997; cư trú tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Kim D**, sinh năm 1984; cư trú tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Thạch Thị S trình bày: Vào năm 2016 được sự mai mối nên chị và anh Kim D có tự nguyện xác lập quan hệ hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T. Sau ngày cưới vợ chồng về sống với cha mẹ chồng. Do vợ chồng đến với nhau qua sự mai mối nên cuộc sống không có hạnh phúc trọn vẹn, thường phát sinh mâu thuẫn do anh D thường chửi bới chị rất thậm tệ, chị vì muốn giữ hạnh phúc gia đình nên cố gắng chịu đựng nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay, từ lúc ly thân hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng

không có kết quả, đến nay thì mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, hai người không còn yêu thương quan tâm chăm sóc cho nhau nữa, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh Kim D. Về con chung, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai người con là Kim Minh T và Kim Minh H, cùng sinh ngày 04/12/2016, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2017, anh Kim D khai kết hôn với chị S vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống với nhau được hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay đã hơn một năm. Nay anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn thương vợ con. Về tài sản chung và nợ chung thì anh thống nhất không có. Về con chung thì anh thống nhất có hai người con chung (sinh đôi) nhưng anh không biết tên và ngày tháng năm sinh vì anh cho rằng vợ chồng ly thân sau hai tháng sống chung và bên gia đình vợ không cho anh đến thăm con.

Tại phiên tòa hôm nay chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, anh D thay đổi ý kiến là đồng ý ly hôn với chị S nhưng yêu cầu được quyền nuôi dưỡng một trong hai người con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị S và anh D. Về con chung, giao cháu Kim Minh T và Kim Minh H cho chị S nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không chấp nhận yêu cầu của anh D yêu cầu được nuôi dưỡng một người con. Về án phí sơ thẩm, đề nghị miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị S do thuộc diện người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xác định đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại xã P, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh D kết hôn vào năm 2016 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên quan hệ hôn nhân là dựa trên sự mai mối, không tìm hiểu kỹ nên sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn dẫn đến không khí gia đình luôn nặng nề nên chỉ sống chung với nhau được khoảng 02 tháng, hiện tại chị S và anh D đã ly thân hơn 01 năm. Mặc dù, quá trình giải quyết vụ án anh D cho rằng vẫn còn tình cảm với chị S, nhưng từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến nay, anh không chủ động hòa hợp, gắn kết lại tình cảm vợ chồng, Tòa án đã hòa giải nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay chị S vẫn

kiên quyết xin được ly hôn vì xác định tình cảm không còn và anh D cũng thống nhất ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh chị.

[3] Về quan hệ con chung: Chị S có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai người con chung là Kim Minh T và Kim Minh H, cùng sinh ngày 04/12/2016, anh D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng một trong hai người con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu T và cháu H còn rất nhỏ, chưa đầy một tuổi nên sự chăm sóc của người mẹ là rất cần thiết, hơn nữa hai cháu hiện đang ở ổn định với chị S. Mặc khác theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì *“con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T và cháu H cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, không chấp nhận yêu cầu được nuôi một người con của anh D là hoàn toàn phù hợp. Chị S không yêu cầu anh D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về quyền thăm con, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh D cho rằng chị S và người nhà không cho anh đến thăm con chung, mẹ anh D là bà Kim Thị N cũng xác nhận có việc ngăn cản thăm con của gia đình chị S. Do đó để đảm bảo quyền thăm nom con chung của anh D sau khi ly hôn, Tòa án yêu cầu chị S và các thành viên gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh D không trực tiếp nuôi con cũng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng và giáo dục con chung của chị S.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh D xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do chị S là người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị S được miễn án phí sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011117 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có căn cứ đúng với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữ chị Thạch Thị S và anh Kim D.

2. Về con chung: Giao cháu Kim Minh T và Kim Minh H, sinh ngày 04/12/2016 cho chị Thạch Thị S nuôi dưỡng, không chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng một người con của anh Kim D. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị S và các thành viên gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh D không trực tiếp nuôi con cũng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng và giáo dục con chung của chị S. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm cho chị Thạch Thị S. Chị S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011117 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Anh D không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Sáu